TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUY PHONG** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2023/DS-ST
Ngày: 27 - 6 - 2023
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG, TỈNH BÌNH THUẬN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đồng Vũ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Hoài Bảo.

2. Ông Phạm Văn Minh.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Văn Hồng Lễ, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa***: Ông Lâm Đa Cha, Kiểm sát viên.

Ngày 27/6/2023, tại Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 337/2022/TLST-DS ngày 01 tháng 12 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2023/QĐXXST-DS ngày 12/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Bùi Quốc K, sinh năm 1966. (Vắng mặt)
Địa chỉ: 284/73/16 Lý Thường Kiệt, phường 14, Quận 10, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Minh N, sinh năm 1999. (Vắng mặt)
Địa chỉ: Xóm 1, thôn Lâm Lộc 1, xã Hòa Minh, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai của đương sự, nguyên đơn Bùi Quốc K trình bày: Ngày 12/02/2017, ông Bùi Quốc K có cho ông Liêu Chí H và bà Nguyễn Minh N vay số tiền 115.500.000 đồng (một trăm mười lăm triệu năm trăm nghìn đồng) lãi suất 3%/tháng với mục đích sửa nhà. Các bên xác lập hợp đồng vay tài sản dưới dạng văn bản Hợp đồng kiêm giấy nợ, ông Liêu Chí H và bà Nguyễn Minh N đã ký tên và lăn tay ngón trỏ phải vào Hợp đồng. Từ khi vay tiền đến nay, ông H bà N chỉ trả được cho ông K số tiền gốc là 1.500.000 đồng (một triệu năm

trăm nghìn đồng) và tiền lãi là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) sau đó thì lẩn tránh, không trả nữa. Ông K khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Nguyễn Minh N, ông Liêu Chí H trả cho ông K số tiền nợ gốc là 114.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 20%/năm tính từ ngày vay đến ngày giải quyết xong vụ án, tạm tính là 79.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, ông K thống nhất số tiền lãi 3.000.000 đồng đã nhận sẽ được trừ vào tiền gốc 114.000.000 đồng, nay ông H, bà N còn nợ ông K số tiền gốc là 111.000.000 đồng (một trăm mười một triệu đồng). Do ông K không xác định được ông H ở đâu nên ông thay đổi yêu khởi kiện, chỉ khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Minh N phải trả cho ông K số tiền gốc là 55.500.000 đồng (năm mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng) và tiền lãi từ khi vay (12/02/2017) đến ngày mở lại phiên tòa (27/6/2023) làm tròn là 76 tháng, lãi suất là 20%/năm.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 22/12/2022, bị đơn Nguyễn Minh N trình bày: Bà N xác định bà và ông H có quen ông K và có trả tiền vay cho ông K nhưng chính xác bao nhiêu tiền thì bà không nhớ. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà không đồng ý vì cho rằng mình không ký và lăn tay vào Hợp đồng kiêm giấy nợ do nguyên đơn cung cấp và không trình bày gì thêm, cũng không có tài liệu chứng cứ gì để nộp cho Tòa.

Sau đó, Tòa án nhiều lần triệu tập, cũng như tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn Nguyễn Minh N đều từ chối nhận và không có mặt tại Tòa để làm rõ ý kiến trình bày của mình. Tại phiên tòa, bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án đúng quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị buộc bà Nguyễn Minh N phải trả cho ông Bùi Quốc K tổng số tiền 125.800.000 đồng (một trăm hai mươi lăm triệu tám trăm nghìn đồng) gồm tiền gốc là 55.500.000 đồng (năm mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng) và tiền lãi là 70.300.000 đồng (bảy mươi triệu ba trăm nghìn đồng). Bà Nguyễn Minh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa cũng như căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Bùi Quốc K khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Minh N phải trả số tiền đã vay do đó Tòa án thấy rằng đây là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Tòa án nhân dân Quận 6, thành phố Hồ Chí Minh đã chuyển vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong giải quyết do bị đơn Nghi hiện cư trú tại xóm 1, thôn Lâm Lộc 1, xã Hòa Minh, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong.

[2] Ông Bùi Quốc K có đơn xin xét xử vắng mặt; bà Nguyễn Minh N đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn cố tình vắng mặt tại phiên tòa, việc vắng mặt này được coi như từ bỏ quyền, lợi ích hợp pháp của mình nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Ông Bùi Quốc K thay đổi yêu cầu khởi kiện, nay chỉ khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Minh N phải trả cho ông K số tiền gốc là 55.500.000 đồng (năm mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng) và tiền lãi từ khi vay (12/02/2017) đến ngày mở lại phiên tòa (27/6/2023), làm tròn là 76 tháng. Đây là sự tự nguyện của ông K không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu của ông K nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về nội dung khởi kiện: Ông Bùi Quốc K yêu cầu bà Nguyễn Minh N phải trả số tiền gốc đã vay là 55.500.000 đồng (năm mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng) và tiền lãi từ khi vay (12/02/2017) đến ngày mở lại phiên tòa (27/6/2023) làm tròn là 76 tháng, lãi suất là 20%/năm.

Để chứng minh cho yêu cầu của mình, Nguyên đơn đã cung cấp Hợp đồng vay tài sản ký kết ngày 12/02/2017 ghi dưới dạng "Hợp đồng kiêm giấy nợ" có chữ ký và dấu vân tay của ông Liêu Chí H và bà Nguyễn Minh N, nội dung trong hợp đồng thể hiện ông H và bà N vay của ông K số tiền 115.500.000 đồng với mức lãi suất 0,1%/ngày (tức 3%/tháng) với mục đích sửa nhà. Quá trình làm việc tại Tòa, bà N xác nhận có biết ông K, thừa nhận có cùng với ông H trả tiền vay cho ông K nhưng không xác định được cụ thể số tiền trả là bao nhiêu, qua đó chứng tỏ giữa ông K và bà N, ông H có xác lập quan hệ vay tiền. Bà N cho rằng chữ ký và dấu tay trên văn bản "Hợp đồng kiêm giấy nợ" không phải của bà, bà đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để làm rõ ý kiến phản đối này nhưng bà từ chối nhận văn bản và không có mặt tại Tòa án và bà N cũng không cung cấp bất cứ tài liệu nào khác chứng minh cho ý kiến của mình. Do đó ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của bà N không có cơ sở để xem xét chấp nhận.

Căn cứ Hợp đồng vay tài sản nói trên thể hiện ông H, bà N cùng đứng tên là bên vay, không chia phần, mục đích vay là để sửa nhà, ông K không xác định được ông H ở đâu nên ông khởi kiện yêu cầu bà N trả một nửa khoản nợ đã được trừ số tiền đã trả còn lại là 55.500.000 đồng và lãi suất tương ứng theo hợp đồng là phù hợp.

Về lãi suất: Hợp đồng kiêm giấy nợ trên thỏa thuận lãi suất là 0,1%/ngày, lãi suất thỏa thuận này vượt quá quy định của pháp luật, xét yêu cầu của nguyên đơn

về việc buộc bị đơn phải trả tiền lãi từ khi vay (12/02/2017) đến ngày mở lại phiên tòa (27/6/2023) làm tròn là 76 tháng (06 năm 04 tháng) với mức lãi suất 20%/năm là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự nên được chấp nhận.

Từ những phân tích trên, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà Nguyễn Minh N phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền là 125.800.000 đồng (một trăm hai mươi lăm triệu tám trăm nghìn đồng) trong đó: tiền gốc 55.500.000 đồng, tiền lãi là 70.300.000 đồng ((55.500.000 đồng x 20%/năm) x 06 năm 04 tháng)) là có cơ sở để chấp nhận.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp nên chấp nhận.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bà Nguyễn Minh N phải chịu 6.290.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
- Điều 357, Điều 463, Điều 466, khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.
- khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Quốc K. Buộc bà Nguyễn Minh N phải trả cho ông Bùi Quốc K tổng số tiền là 125.800.000 đồng (một trăm hai mươi lăm triệu tám trăm nghìn đồng) gồm tiền gốc là 55.500.000 đồng và tiền lãi là 70.300.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Minh N phải chịu 6.290.000 đồng (sáu triệu hai trăm chín mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Bùi Quốc K số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.900.000 đồng (hai triệu chín trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0038613 ngày 06/4/2021 và 1.875.000 đồng (một triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0038640 ngày 12/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 6, thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tuy Phong;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Tuy Phong;
- Chi cục thi hành án dân sự Quận 6, thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đồng Vũ